

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **69/2018/DS-ST**
Ngày: **30/11/2018**
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**
- * Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông **Võ Thành Hưng**
 2. Ông **Nguyễn Văn Mến**
- * Thư ký Tòa án: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Bà **Trịnh Thị Thanh Tâm**.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2018/TLST-DS ngày 24/5/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 232/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V. Địa chỉ: Số S đường Đ, Phường MH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện ủy quyền: Bà **Hoàng Nguyễn Bảo C**; sinh năm: 1989. Địa chỉ: đường H, Khu vực 1, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018). Có mặt.

Bi đơn: Bà **Lương Thị L**; sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ B Khu vực B1, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2018 của nguyên đơn là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn cho rằng:

Ngày 19/6/2015, bà Lương Thị L có vay tín chấp của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (gọi tắt là Công ty Tài chính V) theo hợp đồng số 20150619-102009-0002, số tiền **22.000.000đ**, bảo hiểm khoản vay: **1.210.000đ**, lãi suất **3,75%/tháng** để tiêu dùng cá nhân. Thỏa thuận bà L phải có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng gốc và lãi là **35.600.000đ**, trả góp vốn và lãi hàng tháng, thời hạn **24** tháng, mỗi tháng góp **1.484.000đ** trong 23 tháng đầu, tháng cuối cùng là **1.468.000đ**; bắt đầu thanh toán từ ngày 19/07/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã nhận được số tiền giải ngân và thanh toán được 10 lần, tổng cộng là **19.258.000đ**. Kể từ ngày 22/9/2017, bà L không thanh toán nữa nên nguyên đơn khởi kiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà Lương Thị L phải trả số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là **16.342.000đ**; trong đó, nợ gốc là: **11.509.605đ**, lãi **4.832.395đ** và lãi chậm thanh toán phát sinh tính đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lương Thị L vắng mặt. Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng tính đến thời điểm hiện tại, bị đơn đã trả được tổng cộng: **24.768.000đ**; trong đó, tiền gốc đã trả là **16.700.395đ** và lãi là **8.067.605đ**. Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L phải trả số tiền còn nợ là **10.832.000đ** (trong đó, nợ gốc là **6.509.605đ** và lãi là **4.322.396đ**), không yêu cầu tính lãi chậm trả đến nay, chỉ yêu cầu lãi chậm trả giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự hiện hành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- **Về việc giải quyết vụ án:** Ngày 19/6/2015, bà L có ký hợp đồng tín dụng 20150619-102009-000 vay của nguyên đơn số tiền **23.210.000đ**, trong đó tiền vay là **22.000.000đ**, phí bảo hiểm là **1.210.000đ**, thỏa thuận thời hạn vay 24 tháng, trả lãi và gốc góp hàng tháng. Bà L đã đóng được 10 lần thì ngưng cho đến nay là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn phải trả số tiền nợ là có cơ sở. Xét thấy, theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng nên mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là không trái pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ còn thiếu **10.832.000đ** (trong đó, nợ gốc là **6.509.605đ** và lãi là **4.322.396đ**), không yêu cầu tính lãi phát sinh đến thời điểm xét xử, chỉ yêu cầu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất chậm trả của Bộ luật dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* đây là vụ kiện tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lương Thị L phải trả số tiền nợ:* **10.832.000đ** (trong đó, nợ gốc là **6.509.605đ** và lãi là **4.322.396đ**); *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Ngày 19/6/2015, bà Lương Thị L có vay của Công ty Tài Chính V số tiền **22.000.000đ**, thỏa thuận trả vốn gốc và lãi vào ngày 19 dương lịch hàng tháng, thời hạn 24 tháng, tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là **35.600.000đ**, hàng tháng trả **1.484.000đ** trong 23 tháng đầu, tháng cuối cùng là **1.468.000đ**; bắt đầu thanh toán từ ngày 19/07/2015. Do bà L đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bên vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm cả vốn gốc và lãi còn nợ là có cơ sở, vì vậy cần buộc bà L phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là **10.832.000đ** (trong đó, nợ gốc là **6.509.605đ** và lãi là **4.322.396đ**).

[3] Xét thấy, Ngân hàng có quyền yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, ngân hàng chỉ yêu cầu tính lãi kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất của Bộ luật dân sự quy định; Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bị đơn đã trả thêm được **5.510.000đ** và tiền lãi phát sinh đến khi xét xử; Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí **10.832.000đ** x 5% = **541.600đ**; theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 91, 108 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lương Thị L phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V số tiền **10.832.000đ** (Mười triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) (Trong đó, nợ gốc là **6.509.605đ** và lãi là **4.322.396đ**).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lương Thị L phải trả số tiền **5.510.000đ** và lãi suất phát sinh đến khi xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị L phải chịu án phí **541.600đ** (Năm trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **407.000đ** theo biên lai số 006439 ngày 10/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

4. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang